

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH NINH BÌNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 03 /2024/DS - ST

Ngày 05 - 9 - 2024

V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y - TỈNH NINH BÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Nhật Trung.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hà Giang và bà Nguyễn Thị Phương Lan.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Kim Hạnh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y tham gia phiên tòa: Bà Đinh Thị Quỳnh, Kiểm sát viên.

Ngày 05/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Ninh Bình; xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 02/2024/TLST-DS ngày 08/3/2024 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 03/2024/QĐXX-ST ngày 01/8/2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 03 /2024/QĐ ST- DS ngày 19/8/2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

Địa chỉ: số 02, đường Láng Hạ, phường Thành Công, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Toàn Vượng, chức vụ Tổng Giám đốc Ngân hàng.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền của ông Phạm Toàn Vượng: Ông Phạm Tuấn Anh, chức vụ Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Y Nam Ninh Bình.

Người đại diện hợp pháp theo ủy quyền lại của ông Phạm Tuấn Anh: Ông Nguyễn Văn P, chức vụ Phó Giám đốc Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam chi nhánh huyện Y Nam Ninh Bình; có mặt.

Bị đơn: Bà Vũ Thị L, sinh năm 1958 và anh Trần Triệu H, sinh năm 1987.

Đều trú tại địa chỉ: xóm H, Đông M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Đơn khởi kiện đề ngày 31/10/2023, bản tự khai, bảng tính lãi của Ngân hàng và tại phiên tòa đại diện ông Nguyễn Văn P trình bày:

Tại Hợp đồng tín dụng số L3306LAV 202002567 ngày 27/7/2020 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam (viết tắt Ngân hàng NN&PTNT

Việt Nam) chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình với anh Trần Triệu H; nội dung: Sau khi anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20-087BL, ngày 23/7/2020 và Hợp đồng ủy quyền ngày 23/7/2020. Anh Trần Triệu H lập phương án sử dụng vốn vay, tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình; hạn mức cho vay 250.000.000 đồng, thời hạn duy trì hạn mức là 3 năm, kỳ hạn trả nợ gốc là kỳ 1 ngày 03/11/2022 trả gốc 50.000.000 đồng, kỳ 2 ngày 03/11/2023 trả gốc 100.000.000 đồng, kỳ 3 ngày 03/11/2024 trả gốc 100.000.000 đồng, mục đích vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh và nhu cầu tiêu dùng đời sống, lãi suất vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong thời hạn; lãi suất chậm trả 5%/năm trên số lãi chậm trả và thời gian chậm trả. Tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20-087 BL ngày 23/07/2020, tài sản thế chấp là 785m² đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 46, tờ bản đồ số 22 địa chỉ thửa đất, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 470652 ngày 28/5/2020 do Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Ninh Bình cấp, mang tên Vũ Thị L. Kể từ khi vay vốn cho đến nay, anh H bà L vẫn chưa trả được khoản tiền gốc nào cho Ngân hàng; còn đối với số tiền lãi anh H đã trả từ ngày 03/11/2021 đến ngày 30/11/2021 là 2.109.589 đồng, trả từ ngày 30/11/2021 đến ngày 31/12/2021 đã trả lãi 2.335.616 đồng, lãi từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/01/2022 đã trả là 2.335.616 đồng. Tổng cộng số tiền lãi mà anh H đã trả cho Ngân hàng là 6.780.822 đồng, lãi tạn tính đến ngày 31/01/2022. Do anh H, bà L vi phạm việc trả nợ số tiền gốc theo kỳ và để thu hồi nợ, Ngân hàng đã đôn đốc và nhiều lần làm việc với anh H và yêu cầu anh H thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng anh H không thực hiện nghĩa vụ trả nợ như đã cam kết với Ngân hàng, nên toàn bộ số tiền vay của anh H, bà L là 250.000.000 đồng đã chuyển sang nợ xấu. Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình; tổng số tiền tạm tính đến ngày xét xử ngày 05/9/2024 là **327.162.740 đồng**, gồm tiền vay gốc là **250.000.000 đồng**, tiền lãi là **77.162.740 đồng**. Trong đó:

+ Lãi trong hạn chưa thu: từ ngày 01/02/2022 đến ngày 05/9/2024 là 947 ngày, lãi suất 11%/năm $[250.000.000 \text{ đồng} \times 11\%/100/365 \times 947] = 71.349.315 \text{ đồng}$.

+ Lãi suất quá hạn chưa thu: từ ngày 04/11/2022 đến ngày 04/11/2023 là 365 ngày, lãi suất 3,3% năm $[50.000.000 \text{ đồng} \times 3,3\%/100/365 \times 365] = 1.650.000 \text{ đồng}$.

+ Lãi suất quá hạn chưa thu: từ ngày 04/11/2023 đến ngày 05/9/2024 là 307 ngày, lãi suất 3,3% năm $[150.000.000 \text{ đồng} \times 3,3\%/100/365 \times 307] = 4.163.425 \text{ đồng}$.

+ Lãi trong hạn đã thu:

Ngày trả nợ ngày 03/11/2021: từ ngày 03/11/2021 đến ngày 30/11/2021= 28 ngày $\times 250.000.000 \text{ đồng} \times 11\%/100/365 \times 28 = 2.109.589 \text{ đồng}$.

Ngày trả nợ ngày 27/12/2021: từ ngày 30/11/2021 đến ngày 31/12/2021= 31 ngày $\times 250.000.000 \text{ đồng} \times 11\%/100/365 \times 31 = 2.335.616 \text{ đồng}$.

Ngày trả nợ ngày 11/02/2022: từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/01/2022 = 31

ngày x 250.000.000 đồng x 11%/100/365 x 31 = 2.335.616 đồng.

Tổng số tiền lãi đã trả: **6.780.822** đồng.

- Buộc anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L phải tiếp tục trả lãi phát sinh theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng số 3306LAV202002567 ngày 27/7/2020, kể từ ngày tiếp theo của ngày Tòa án ra Bản án cho đến ngày thực tế anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L trả hết nợ gốc cho Ngân hàng.

- Nếu anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ ngay sau khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật, thì Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan Chi cục thi hành án dân sự xử lý tài sản bảo đảm của anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất gắn liền với đất số 20-087BL ngày 23/7/2020 để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

Trong quá trình Tòa án thụ lý và giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt Thông báo về việc thụ lý vụ án cho anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L, Tòa án đã thông báo nội dung yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng cho anh H và bà L biết, nhưng anh H và bà L đều từ chối nhận. Đã hết thời hạn 15 ngày kể từ ngày giao Thông báo về việc thụ lý vụ án, anh H và bà L vẫn không có văn bản trả lời, bản tự khai trình bày về quan điểm của anh H và bà L đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Tòa án đã thông báo yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ cho anh H và bà L nhưng đều từ chối nhận. Tòa án đã tiến hành thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng anh H và bà L vẫn không đến Tòa án làm việc, không giao nộp tài liệu, chứng cứ gì để thể hiện quan điểm, đồng thời để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp chính đáng cho mình. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh H và bà L, nhưng có lần anh H, bà L có nhà nhưng không nhận văn bản, sau khi đã thông báo nội dung của văn bản và có lần anh H, bà L đi vắng nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật. Như vậy, Tòa án đã tiến hành giao các văn bản tố tụng cho anh H và bà L theo đúng trình tự, quy định của pháp luật và tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến đối với vụ án, việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán từ khi thụ lý đến trước khi xét xử đã chấp hành đúng các quy định của pháp luật, tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các thủ tục theo quy định của pháp luật; đại diện của Ngân hàng đã chấp hành đầy đủ theo quy định của pháp luật. Bị đơn không chấp hành để thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật. Căn cứ các Điều 317, 318, 320, 322, 323, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 3, 13 của Nghị định số 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 của Chính phủ về đăng ký dịch vụ bảo đảm; Điều 33 của Thông tư liên tịch số 09/2016/TTLT-BTP-BTNMT hướng dẫn việc đăng ký thế chấp với quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất; khoản 1 Điều 147, Điều 157 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam.

- Buộc anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình gồm: tiền vay gốc là **250.000.000** đồng, tiền lãi là **77.162.740** đồng, tính đến ngày xét xử, ngày 05/9/2024. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh H và bà L tiếp tục chịu khoản tiền lãi pháp sinh, theo mức lãi suất mà các bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình.

- Nếu anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L vi phạm nghĩa vụ trả khoản nợ trên; thì anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp của mình là thửa đất số 46 tờ bản đồ số 22, bản đồ địa chính xã K, diện tích 785m² đất trong đó 360m² đất ở, 425m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở và công trình phụ, cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất; địa chỉ tài sản tại xóm H, Đông M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 470652 ngày 28/5/2020 do Sở tài nguyên và môi trường Ninh Bình cấp mang tên Vũ Thị L, để Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình, xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà anh H, bà L không thực hiện. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình có quyền yêu cầu anh H và bà L giao tài sản đó cho ngân hàng để xử lý khi anh H và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trường hợp anh H và bà L không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

Về án phí và chi phí tố tụng: Ngân hàng phải chịu chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ. Miễn phần án phí dân sự sơ thẩm cho bà L vì là người cao tuổi. Buộc anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về những vấn đề cần phải giải quyết trong vụ án như sau:

[1] Về thủ tục tố tụng: Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng khởi kiện tranh chấp hợp đồng tín dụng, việc khởi kiện của Ngân hàng là phù hợp với quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bị đơn là anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L đều có cư trú tại xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình, Tòa án nhân dân huyện Y thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, được quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về sự vắng mặt của đương sự: Tại phiên tòa ngày 19/8/2024 có mặt đại diện Ngân hàng là ông Nguyễn Văn P ; anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L là bị đơn đều vắng mặt lần thứ nhất không có lý do, Hội đồng xét xử đã ra quyết định hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Ngân hàng có mặt ông Nguyễn Văn P, còn anh H và bà L vẫn vắng mặt không có lý do, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần

thứ hai. Căn cứ quy định tại Điều 227 và Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H, bà L theo quy định.

[2] Nội dung vụ án:

2.1. Về việc vay tài sản: Để vay vốn ngân hàng, anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L đã lập Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20-087BL, ngày 23/7/2020 và Hợp đồng ủy quyền ngày 23/7/2020. Anh Trần Triệu H lập phương án sử dụng vốn vay, tại Ngân hàng NN&PTNT Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình.

Theo Hợp đồng tín dụng và báo cáo đề xuất giải ngân kèm giấy nhận nợ, đề ngày 03/11/2021 thể hiện anh H vay của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình số tiền là 250.000.000 đồng, lãi suất vay là 11%/năm, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất cho vay trong thời hạn; lãi suất chậm trả 5%/năm trên số lãi chậm trả và thời gian chậm trả. Thời hạn duy trì hạn mức là 3 năm, tiền gốc trả làm 03 kỳ: ngày 03/11/2022 trả gốc 50.000.000 đồng, ngày 03/11/2023 trả gốc 100.000.000 đồng, ngày 03/11/2024 trả gốc 100.000.000 đồng; tiền lãi trả hàng tháng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H và bà L đã vi phạm nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, anh H và bà L không có biện pháp khắc phục, đưa ra phương án trả nợ được Ngân hàng chấp nhận, thì Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn.

Về nghĩa vụ trả nợ: Ngân hàng đã nhiều lần thông báo nợ quá hạn, thông báo trả nợ và lập biên bản làm việc với anh H và bà L về vốn vay quá hạn, nhưng anh H và bà L không trả khoản tiền vay gốc và khoản tiền lãi phát sinh, từ ngày 01/02/2022 cho Ngân hàng theo thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ trả nợ được thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng và báo cáo đề xuất giải ngân kèm nhận nợ; căn cứ khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng, do đó Ngân hàng có quyền thu hồi nợ trước hạn.

Về tiền lãi phát sinh: Nay Ngân hàng yêu cầu anh H và bà L phải trả tổng số tiền lãi cho Ngân hàng tính từ ngày 01/02/2022 đến ngày xét xử sơ thẩm là ngày 05/9/2024 với tổng số tiền lãi trong hạn và lãi quá hạn chưa trả là **77.162.740** đồng, trong đó:

+ Lãi trong hạn chưa thu: từ ngày 01/02/2022 đến ngày 05/9/2024 là 947 ngày, lãi suất 11%/năm $[250.000.000 \text{ đồng} \times 11\%/100/365 \times 947] = 71.349.315$ đồng.

+ Lãi suất quá hạn chưa thu: từ ngày 04/11/2022 đến ngày 04/11/2023 là 365 ngày, lãi suất 3,3% năm $[50.000.000 \text{ đồng} \times 3,3\%/100/365 \times 365] = 1.650.000$ đồng.

+ Lãi suất quá hạn chưa thu: từ ngày 04/11/2023 đến ngày 05/9/2024 là 307 ngày, lãi suất 3,3% năm $[150.000.000 \text{ đồng} \times 3,3\%/100/365 \times 307] = 4.163.425$ đồng.

+ Lãi trong hạn đã thu: Ngày trả nợ ngày 03/11/2021: từ ngày 03/11/2021 đến ngày 30/11/2021 = 28 ngày $\times 250.000.000 \text{ đồng} \times 11\%/100/365 \times 28 = 2.109.589$ đồng. Ngày trả nợ ngày 27/12/2021: từ ngày 30/11/2021 đến ngày 31/12/2021 = 31 ngày $\times 250.000.000 \text{ đồng} \times 11\%/100/365 \times 31 = 2.335.616$ đồng. Ngày trả nợ ngày 11/02/2022: từ ngày 31/12/2021 đến ngày 31/01/2022 = 31 ngày $\times 250.000.000 \text{ đồng} \times 11\%/100/365 \times 31 = 2.335.616$ đồng. Tổng số tiền lãi đã trả: **6.780.822** đồng.

Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, buộc anh H và bà L phải trả cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình: gồm số tiền vay gốc là **250.000.000** đồng, tiền lãi phát sinh trong hạn và lãi quá hạn là **77.162.740** đồng; tổng số tiền vay và tiền lãi là **327.162.740** đồng.

2.2 Về tài sản bảo đảm:

Tại hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20-087 BL ngày 23/07/2020, bà L và anh H đã thế chấp tài sản của mình là 785m² đất trong đó 360m² đất ở, 425m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở và công trình phụ cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất tại thửa đất số 46 tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 470652 ngày 28/5/2020 do Sở tài nguyên và môi trường Ninh Bình cấp, mang tên Vũ Thị L, để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của anh H và bà L cho Ngân hàng, do các bên đã đăng ký thế chấp với Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Y ngày 23/7/2020. Việc thế chấp tài sản để đảm bảo cho nghĩa vụ trả nợ của anh H và bà L với Ngân hàng là hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Vào ngày 01/7/2024, Tòa án đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ đối với thửa đất số 46 tờ bản đồ số 22, địa chỉ thửa đất xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; anh H và bà L đều có mặt ở nhà nhưng không cho đoàn tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ, đối với tài sản mà anh H và bà L đã thế chấp, nên Tòa án không tiến hành việc xem xét, thẩm định tại chỗ được. Tòa án tiến hành xác minh tại chính quyền địa phương cho thấy diện tích 785m² đất bà L đang sử dụng ổn định lâu dài, không có tranh chấp. Vì vậy, căn cứ vào hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 20-087 BL ngày 23/07/2020, bà L và anh H đã thế chấp tài sản của mình là 785m² đất trong đó 360m² đất ở, 425m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở và công trình phụ, cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất, tại thửa đất số 46 tờ bản đồ số 22 địa chỉ thửa đất xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam. Nếu anh H và bà L vi phạm nghĩa vụ trả nợ trên thì anh H và bà L có nghĩa vụ giao toàn bộ tài sản đã thế chấp nêu trên để Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà anh H và bà L không thực hiện. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam có quyền yêu cầu anh H và bà L giao tài sản đó cho ngân hàng để xử lý khi anh H và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trường hợp anh H và bà L không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y ra quyết định và thi hành bản án phần tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm và chi phí tố tụng:

- Anh Hải và bà L phải trả cho Ngân hàng tổng số tiền là **327.162.740** đồng, nên phải nộp án phí dân sự có giá gạch là 16.358.000 đồng (làm tròn), song do bà L

là người cao tuổi nên được miễn phần án phí dân sự cho bà L, anh H phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm là 8.179.000 đồng, để sung ngân sách Nhà nước.

- Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng về xem xét, thẩm định tại chỗ với số tiền là 800.000 đồng. Hoàn trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.480.000 đồng.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ Điều 463, khoản 1 và khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468, Điều 317, khoản 1 và khoản 3 Điều 318, khoản 6 Điều 320, khoản 5 và khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự; các Điều 91, khoản 2 Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 85, khoản 1 Điều 147, Điều 157, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 25, khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

2. Xử:

2.1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, buộc anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L phải trả cho Ngân hàng Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình số tiền như sau:

- Tiền gốc vay là **250.000.000** đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng).
- Tiền lãi vay là **77.162.740** đồng (bảy mươi bảy triệu một trăm sáu mươi hai nghìn bảy trăm bốn mươi đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi phát sinh, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số 20-087 BL ngày 23/07/2020 giữa Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình với anh Trần Triệu H cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

Nếu anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L vi phạm nghĩa vụ trả khoản nợ trên; thì anh Trần Triệu H và bà Vũ Thị L có nghĩa vụ giao tài sản thế chấp của mình là thửa đất số 46 tờ bản đồ số 22, bản đồ địa chính xã K, diện tích 785m² đất trong đó 360m² đất ở, 425m² đất trồng cây lâu năm và tài sản gắn liền với đất gồm nhà ở và công trình phụ, cùng toàn bộ tài sản gắn liền trên đất; địa chỉ tài sản tại xóm H, Đông M, xã K, huyện Y, tỉnh Ninh Bình; giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CU 470652 ngày 28/5/2020 do Sở tài nguyên và môi trường Ninh Bình cấp mang tên Vũ Thị L, để Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình, xử lý khi đến hạn thực hiện nghĩa vụ bảo đảm mà anh H, bà L không thực hiện. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình có quyền yêu cầu anh H và bà L giao tài sản đó cho ngân hàng để xử lý khi anh H và bà L không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ. Trường hợp anh H và bà L không thực hiện nghĩa vụ giao tài sản đã thế chấp, thì Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh

huyện Y, Nam Ninh Bình có quyền đề nghị Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, ra quyết định và thi hành bản án phân tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật.

2.2. Về chi phí tố tụng: Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình phải chịu 800.000 đồng chi phí tố tụng về việc xem xét, thẩm định tại chỗ tài sản thế chấp, được trừ vào số tiền tạm ứng chi phí tố tụng đã nộp là 3.000.000 đồng theo biên bản tạm thu tiền của Tòa án nhân dân huyện Y. Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình đã được hoàn lại số tiền chênh lệch là 2.200.000 đồng.

2.3. Về án phí: Miễn phần án phí dân sự sơ thẩm cho bà Vũ Thị L, do bà L là người cao tuổi. Buộc anh Trần Triệu H phải chịu phần án phí dân sự sơ thẩm là 8.179.000 đồng để sung ngân sách Nhà nước.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam, chi nhánh huyện Y, Nam Ninh Bình số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 7.480.000 đồng, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001598 ngày 04/3/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Ninh Bình.

Án xử công khai sơ thẩm nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện Y;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Vũ Nhật Trung